ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4091 /QĐ-ĐHYD

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Bác sĩ Nội trú năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-ĐHYD ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược-Đại học Huế;

Căn cứ Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ- BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Bác sĩ Nội trú cho 69 (Sáu mươi chín) học viên năm 2019 *(Danh sách đính kèm)*.

Điều 2. Các Ông (Bà): Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Tổ chức-Hành chính, Kế hoạch-Tài chính và các học viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu: VT, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN TỐT NGHIỆP BÁC SĨ NỘI TRÚ KHÓA 2016-2019 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ

Hệ đào tạo: Tập trung

(Kèm theo Quyết định số: 4091../QĐ-ĐHYD ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế)

STT	TT CN	Họ và tên		Ngày, Tháng, Năm sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Ghi chú
		1. Chuyên ngành Nội khoa (19)					
1	1	Văn Thị Minh	An	09.08.1991	Thừa Thiên Huế	Giỏi	Khóa 2015-2018
2	2	Đinh Thế	Anh	14.07.1992	Đắk Nông	Giỏi	
3	3	Phạm Định	Chương	12.06.1992	Bình Định	Giỏi	
4	4	Thái Bình	Dương	06.11.1992	Đà Nẵng	Khá	
5	5	Trần Văn	Đạo	10.03.1992	Nghệ An	Giỏi	
6	6	Nguyễn Thị Diệu	Đoan	04.03.1992	Thừa Thiên Huế	Khá	
7	7	Lê Hải Hồng	Giang	04.10.1992	Đắk Lắk	Giỏi	
8	8	Nguyễn Thị Nhật	Hạ	27.06.1992	Đắk Lắk	Giỏi	
9	9	Phan Anh	Khoa	15.09.1992	Thừa Thiên Huế	Giỏi	
10	10	Nguyễn Thành	Long	10.09.1992	Quảng Nam	Giỏi	
11	11	Trịnh Minh	Nam	08.09.1991	Nghệ An	Giỏi	Khóa 2015-2018
12	12	Hoàng Thị Bích	Ngọc	06.02.1992	Quảng Trị	Giỏi	
13	13	Trương Văn Khánh	Nguyên	04.02.1992	Quảng Trị	Giỏi	
14	14	Phan Thế	Phương	27.01.1992	Quảng Nam	Giỏi	
15	15	Đỗ Thị Thanh	Sương	05.04.1992	Quảng Nam	Giỏi	
16	16	Phạm Minh	Trãi	06.03.1992	Thừa Thiên Huế	Giỏi	
17	17	Nguyễn Nữ Ngọc	Trâm	10.09.1992	Quảng Nam	Giỏi	
18	18	Trần Thị Huyền	Trân	11.01.1992	Thừa Thiên Huế	Giỏi	
19	19	Lương Thị Vân	Trang	03.10.1992	Quảng Ngãi	Giỏi	
		2. Chuyên ngành Ngoại khoa (11)					
20	1	Trần Tiến	Dũng	16.03.1992	Nghệ An	Giỏi	
21	2	Nguyễn Đình	Hòa	04.12.1992	Đắk Nông	Khá	
22	3	Đinh Thị Phương	Hoài	18.02.1992	Bình Định	Giỏi	
23	4	Nguyễn Mạnh	Linh	15.05.1992	Quảng Bình	Giỏi	
24	5	Nguyễn Thị	Mai	20.04.1992	Đắk Lắk	Khá	
25	6	Nguyễn Trịnh Hoàng	Nguyên	20.09.1992	Khánh Hòa	Khá	
26	7	Hoàng	Phong	25.10.1992	Bình Định	Khá	
27	8	Nguyễn Văn	Thắng	25.10.1992	Quảng Bình	Khá	
28	9	Lê Bá Hữu	Thiện	28.06.1992	Thừa Thiên Huế	Khá	
29	10	Bùi Đức An	Vinh	18.09.1991	Thừa Thiên Huế	Giỏi	Khóa 2015-2018

STT	TT CN	Họ và tên		Ngày, Tháng, Năm sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Ghi chú
		3. Chuyên ngành Sản Phụ khoa (11)					
31	1	Lê Nam	Hùng	02.09.1991	Quảng Trị	Khá	
32	2	Nguyễn Thị	Lê	10.04.1992	Thừa Thiên Huế	Giỏi	
33	3	Đinh Thanh	Nhân	22.03.1992	Đà Nẵng	Giỏi	
34	4	Nguyễn Phúc	Nhơn	01.07.1991	Đà Nẵng	Khá	Khóa 2015-2018
35	5	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04.10.1992	Ninh Bình	Giỏi	
36	6	Trịnh Thị Băng	Tâm	12.06.1992	Quảng Nam	Giỏi	
37	7	Đặng Văn	Tân	01.01.1992	Thừa Thiên Huế	Giỏi	
38	8	Lê Hữu	Thắng	25.10.1992	Gia Lai	Giỏi	
39	9	Lê Quỳnh	Trang	06.05.1992	Đắk Lắk	Giỏi	
40	10	Trương Hữu	Trí	06.09.1992	Thừa Thiên Huế	Khá	
41	11	Mai Thanh	Tuấn	10.03.1992	Quảng Trị	Giỏi	
		4. Chuyên ngành Nhi khoa (16)					
42	1	Nguyễn Mai	Anh	09.08.1992	Đà Nẵng	Giỏi	
43	2	Nguyễn Thị	Điệp	12.07.1992	Đắk Lắk	Giỏi	
44	3	Nguyễn Phạm Chinh	Hà	06.05.1991	Thừa Thiên Huế	Giỏi	Khóa 2015-2018
45	4	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20.12.1992	Đắk Nông	Giỏi	
46	5	Nguyễn Thị Ái	Hiền	10.12.1992	Quảng Ngãi	Giỏi	
47	6	Hoàng Thị	Hương	10.08.1992	Hà Tĩnh	Khá	
48	7	Nguyễn Thị Thu	Huyền	26.06.1992	Thanh Hóa	Giỏi	
49	8	Nguyễn Lê Hoài	Linh	01.01.1992	Quảng Nam	Giỏi	
50	9	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	05.05.1992	Thừa Thiên Huế	Giỏi	
51	10	Nguyễn Hồ Đan	Nguyên	04.09.1992	Quảng Nam	Giỏi	
52	11	Hoàng Thị Yến	Nhi	24.12.1992	Bình Định	Giỏi	
53	12	Nguyễn Thị	Nhung	04.06.1992	Hà Tĩnh	Khá	
54	13	Trần Hồng	Nhung	24.10.1991	Quảng Bình	Giỏi	Khóa 2015-2018
55	14	Trịnh Thị Trần	Nhung	23.03.1992	Quảng Nam	Giỏi	
56	15	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	24.09.1992	Quảng Ngãi	Giỏi	
57	16	Trần Tuyết	Vỹ	21.10.1992	Đà Nẵng	Giỏi	
		5. Chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh (05)					
58	1	Nguyễn Hồng	Quân	22.10.1992	Hà Tĩnh	Giỏi	
59	2	Trần Thị Tịnh	Tâm	08.06.1992	Kon Tum	Giỏi	
60	3	Nguyễn Trần Ngọc	Trinh	21.05.1992	Quảng Trị	Giỏi	
61	4	Huỳnh Long	Tuấn	04.06.1992	Gia Lai	Giỏi	
62	5	Đoàn Thị Hải	Yến	12.05.1992	Gia Lai	Giỏi	
		6. Chuyên ngành Tai Mũi Họng (05)					
63	1	Nguyễn Anh	Dũng	16.10.1992	Nghệ An	Giỏi	
64	2	Lê Mai Minh	Phúc	08.07.1992	Quảng Bình	Khá	
65	3	Đoàn Thị Mỹ	Trang	13.07.1992	Thừa Thiên Huế	Giỏi	
66	4	Phạm Trường	Tùng	25.03.1992	Hà Nội	Khá	

STT	TT CN	Họ và tên		Ngày, Tháng, Năm sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Ghi chú
		7. Chuyên ngành Nhãn khoa (02)					
68	**1**	Nguyễn Minh	Tuấn	22.04.1992	Gia Lai	Giỏi	
69	**2**	Nguyễn Gia Hồng	Vân	22.11.1992	Quảng Nam	Giỏi	

*Ấn định danh sách có **69** (sáu mươi chín) học viên thuộc 07 chuyên ngành được công nhận Tốt nghiệp Bác sĩ Nội trú của Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế./.*